

Số: /2026/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 164/2025/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giá ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 128/2026/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;

Căn cứ Thông tư số 44/2025/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2024/TT-BTC;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số /TTr-STC ngày tháng năm 2026; Báo cáo thẩm định số /BC-STP ngày tháng năm 2026 của Sở Tư pháp;

Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 164/2025/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2025 quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 Quyết định số 164/2025/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố

“Điều 4. Trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân thành phố

1. Ban hành quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ

Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp chưa có quy định thì các Sở quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật theo thẩm quyền đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực.

2. Thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ

a) Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực thực hiện thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá đối với danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

b) Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu thực hiện việc thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ là sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của Ủy ban nhân dân cấp xã, xin ý kiến tham gia của các Sở quản lý ngành, lĩnh vực tại khoản 1 Điều này và trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành văn bản định giá.

c) Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện việc thẩm định phương án giá chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá theo quy định tại điểm đ khoản 1, điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 1 Nghị định số 128/2026/NĐ-CP của Chính phủ).

3. Các cơ quan, đơn vị thực hiện việc thẩm định phương án giá, trình văn bản định giá, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ được phân công cụ thể tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

4. Phân cấp thẩm quyền định giá đối với một số hàng hóa, dịch vụ

a) Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng: Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã định giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

b) Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp thẩm quyền định giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phân công cơ quan chuyên môn trực thuộc thực hiện thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá đối với các danh mục hàng hóa, dịch vụ được phân cấp.”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 164/2025/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố

1. Sửa đổi tên cột 3 từ “Cơ quan tham mưu UBND tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ” thành “Cơ quan tham mưu UBND thành phố ban hành đặc điểm kinh tế kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ”.

2. Sửa đổi, bổ sung số thứ tự 6 mục II; số thứ tự 2, số thứ tự 5 phần B mục III như sau:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu UBND thành phố ban hành đặc điểm kinh tế, kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá
II	Định giá tối đa		
6	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng (trừ trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
III	Định giá cụ thể		
B	Định giá cụ thể		
2	Sản phẩm dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có		

	thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương		
2.1	Trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước cấp thành phố		Sở quản lý ngành, lĩnh vực cấp thành phố
2.2	Trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước cấp xã		Ủy ban nhân dân cấp xã
5	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

3. Bổ sung số thứ tự 11, 12, 13, 14, 15, 16 vào sau số thứ tự 10 phần B mục III như sau:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu UBND thành phố ban hành đặc điểm kinh tế, kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá
11	Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
12	Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập (không bao gồm dịch vụ	Sở Y tế	Sở Y tế

	công không sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ theo yêu cầu)		
13	Dịch vụ điều trị nghiện bằng thuốc thay thế tại đơn vị sự nghiệp công lập (không bao gồm dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ theo yêu cầu)	Sở Y tế	Sở Y tế
14	Máu toàn phần và chế phẩm máu đạt tiêu chuẩn.	Sở Y tế	Sở Y tế
15	Dịch vụ kiểm nghiệm mẫu thuốc, nguyên liệu làm thuốc tại đơn vị sự nghiệp công lập (không bao gồm dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ theo yêu cầu).	Sở Y tế	Sở Y tế
16	Dịch vụ sử dụng hạ tầng trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ số tập trung, khu công nghệ cao và cụm công nghiệp đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.	Ban quản lý khu kinh tế	Ban quản lý khu kinh tế

4. Bãi bỏ nội dung về trách nhiệm thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại số thứ tự 05, phần B, mục III.

5. Bãi bỏ số thứ tự 2, số thứ tự 3 phần A mục III.

Điều 3. Bổ sung khoản 6 Điều 11 Quyết định số 164/2025/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố

“6. Căn cứ kế hoạch kiểm tra được phê duyệt hoặc chỉ đạo của cấp có thẩm quyền hoặc khi phát hiện vi phạm, dấu hiệu vi phạm thì cơ quan được giao nhiệm vụ tại khoản 1, 2, 3 Điều này có trách nhiệm ban hành quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.”

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.
2. Các nội dung khác không quy định tại Quyết định này tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 164/2025/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn thành phố Hải Phòng và Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp thẩm quyền định giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng.
3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn thành phố Hải Phòng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND thành phố;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Hải Phòng;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Công báo thành phố;
- Lưu: VT, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**